

**Bản án số: 04/2022/DS-ST**

**Ngày: 27/01/2022**

**V/v: “Tranh chấp dân sự  
hợp đồng vay tài sản”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Thạnh
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2021/TLST-DS, ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Nguyễn Hoàng D** – sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Hiệp Lễ, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông **Lương Bá H** – sinh năm 1963 và bà **Trần Thị N** – sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn bà Trần Nguyễn Hoàng D trình bày:**

Bà Trần Nguyễn Hoàng D và vợ chồng ông Lương Bá H, bà Trần Thị N là chỗ quen biết. Ngày 05.10.2020, vợ chồng ông H, bà N có vay của bà D số tiền

247.000.000 đồng, thời hạn vay là một tháng, không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất, hai bên chỉ thỏa thuận là khi nào trả tiền thì phía bị đơn đưa cho bà D số tiền lãi bao nhiêu cũng được. Giữa hai bên có lập giấy mượn tiền, mặt đầu do bà D viết tại nhà ông H bà N, mặt sau do ông H viết và ông bà có ký tên, ghi họ tên vào. Bà D đưa số tiền 247.000.000 đồng cho ông H bà N tại nhà ông bà. Ông bà nói mượn tiền về để lo đám cưới cho con. Ông H bà N có đưa cho bà D giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình bản chính, nhưng mấy ngày sau thì ông bà lấy lại để làm giấy tờ. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H bà N phải trả cho bà D số tiền 247.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin rút yêu cầu về tính lãi suất.

**\* Bị đơn: Ông Lương Bá H và bà Trần Thị N trình bày:**

Vợ chồng ông H bà N thừa nhận có vay của bà D số tiền 60.000.000 đồng gốc, tờ giấy mượn tiền mặt đầu là do bà D viết, mặt sau là do ông H viết có hứa một tháng sau sẽ trả. Ông bà thừa nhận tờ giấy mượn tiền ghi ngày 05.10.2020 là đúng, vợ chồng ông bà mượn tiền về để sửa chữa đồ dùng trong nhà và mua phụ tùng để ông H sửa xe, chứ không lo vào việc đám cưới của con. Ông H bà N thừa nhận có ký tên và viết họ tên vào giấy mượn tiền ngày 05.10.2020, nhưng do lúc ký không đọc kỹ tờ giấy cứ tưởng là bà D ghi số tiền 60.000.000 đồng, đây là sai lầm của vợ chồng ông bà. Ông bà chỉ nhận tiền mặt là 60.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng trả cho bà D là 18.000.000 đồng. Từ đó đến giờ đã trả lãi cho bà D là 108.000.000 đồng. Bà N là người trực tiếp trả tiền lãi cho bà D, ông bà không ghi chép sổ sách gì, cũng không có giấy tờ gì thể hiện việc trả lãi. Từ tháng 7/2021 đến nay, do tình hình dịch bệnh và giãn cách xã hội, ông bà không còn khả năng để tiếp tục trả tiền lãi và gốc cho bà D. Vì vậy, bà D nhiều lần thách thức sẽ khởi kiện ông bà ra Tòa. Nay ông bà thừa nhận còn nợ tiền gốc của bà D là 60.000.000 đồng, ông bà xin trả làm 03 đợt, mỗi đợt cách nhau 02 tháng trả 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông bà vẫn giữ nguyên ý kiến.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lương Bá H và bà Trần Thị N phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Nguyễn Hoàng D số tiền 247.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trần Nguyễn Hoàng D về tính lãi suất đối với số tiền 247.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của bà Trần Nguyễn Hoàng D yêu cầu vợ chồng ông Lương Bá H bà Trần Thị N trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại thôn Hiệp Tiến, xã Tân Tiến, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng không thỏa thuận được. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 247.000.000 đồng, nhưng phía bị đơn chỉ thừa nhận nợ tiền của bà D là 60.000.000 đồng, ông H bà N xin trả dần làm 03 đợt, mỗi đợt cách nhau 02 tháng trả 20.000.000 đồng. Phía nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền ngày 05.10.2020 thể hiện việc cho vay tiền (bản chính) để chứng minh cho yêu cầu của mình, cụ thể: Ông H bà N có vay của bà D số tiền 247.000.000 đồng, mặt sau ông H thừa nhận có viết “hứa đúng một tháng hoàn trả, nếu sai vợ chồng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, tôi mượn về làm công việc nhà”, giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của ông H bà N và ông bà cũng thừa nhận. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông H bà N khai tiền lãi mỗi tháng trả cho bà D là 18.000.000 đồng. Từ đó đến giờ đã trả lãi cho bà D là 108.000.000 đồng. Bà N là người trực tiếp trả tiền lãi cho bà D, ông bà không ghi chép sổ sách gì, cũng không có giấy tờ gì thể hiện việc trả lãi, nhưng không được bà D thừa nhận và ông bà cũng không có chứng cứ để chứng minh cho việc vay số tiền 60.000.000 đồng và việc trả tiền lãi.

Xét về thời hạn của hợp đồng cho vay tiền ngày 05.10.2020 thì thời hạn vay là 01 tháng tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, từ những căn cứ trên phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bị đơn ông Lương Bá H và bà Trần Thị N phải cùng có nghĩa vụ trả liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Nguyễn Hoàng D số tiền 247.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà D xin rút yêu cầu về tính lãi đối với số tiền 247.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[4] Về án phí:

Ông Lương Bá H và bà Trần Thị N phải chịu số tiền 12.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Nguyễn Hoàng D số tiền 6.585.000 đồng số tiền TUAP đã nộp theo biên lai số 0004664 ngày 22.11.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463 và 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lương Bá H và bà Trần Thị N phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Nguyễn Hoàng D số tiền 247.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trần Nguyễn Hoàng D về tính lãi suất đối với số tiền 247.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Lương Bá H và bà Trần Thị N phải chịu 12.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Nguyễn Hoàng D số tiền 6.585.000 đồng số tiền TUAP đã nộp theo biên lai số 0004664 ngày 22.11.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/01/2022).

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**